



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 29 (31/8/2006)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|---|
| 21-8-2006 | - Quyết định số 124/2006/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ loại 2 và 3 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 216/QĐ-UB ngày 16 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố. | 3 |
| 21-8-2006 | - Quyết định số 125/2006/QĐ-UBND về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2006. | 7 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- | | | |
|-----------|---|----|
| 08-8-2006 | - Quyết định số 27/2006/QĐ-UBND về việc phê duyệt Điều lệ Hội Cựu giáo chức quận 8. | 29 |
|-----------|---|----|

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 21-7-2006 - Nghị quyết số 82/2006/NQ-HĐND nghị quyết số về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006. 40
- 21-7-2006 - Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2005 của quận Bình Tân. 47

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 11-8-2006 - Quyết định số 3746/2006/QĐ-UBND ban hành quy định tạm thời về quản lý, sử dụng máy bơm chữa cháy trên xe mô tô 3 bánh. 52

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

- 21-7-2006 - Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006. 57

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- 14-7-2006 - Quyết định số 940/2006/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500. 63

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 124/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ loại 2 và 3 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 216/QĐ-UB ngày 16 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Xét đề nghị của Sở Thương mại tại Tờ trình số 5302/STM-TMDV ngày 06 tháng 12 năm 2005, Văn bản số 3307/STM-QLTMDV ngày 01 tháng 8 năm 2006 về bổ sung một số điều quy định về chỉ định thầu chợ loại 3 của Quy chế đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ loại 2 và 3 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, của Sở Tư pháp Tờ trình số 4947/STP-VB ngày 30 tháng 12 năm 2005 và ý kiến Thường trực Ban chỉ đạo Cải cách hành chính ngày 25 tháng 7 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ loại 2 và 3 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 216/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố ngày 16 tháng 9 năm 2004 như sau:

1. Điều 3 được sửa đổi như sau:

“Điều 3. Đối tượng tham gia đấu thầu

Đối tượng tham gia đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ theo Quy chế này bao gồm các doanh nghiệp được thành lập, đăng ký kinh doanh và hoạt động theo quy định của pháp luật.”

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Phương thức đấu thầu:

4.1. Đấu thầu rộng rãi:

Phương thức đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ loại 2 và 3 được thực hiện công khai, bình đẳng. Đối tượng dự thầu phải được Hội đồng xét chọn thầu chợ đánh giá có đủ điều kiện và năng lực dự thầu. Trong trường hợp các đối tượng dự thầu có tổng số điểm bằng nhau thì ưu tiên cho doanh nghiệp, tổ chức tại quận, huyện nơi có chợ đấu thầu.

Việc mở thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu chỉ được tiến hành khi có tối thiểu ba nhà thầu tham gia nộp hồ sơ dự thầu. Trường hợp có ít hơn ba nhà thầu tham gia dự thầu, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, quyết định cho phép kéo dài thời điểm đóng thầu nhằm tăng thêm hồ sơ dự thầu hoặc cho phép mở thầu để đánh giá hồ sơ dự thầu đã nộp.

4.2. Chỉ định thầu:

Riêng đối với chợ loại 3, có quy mô nhỏ, dưới 100 tiểu thương hoặc dưới 100 điểm kinh doanh, nếu sau khi có Thông báo mời thầu mà không có đối tượng tham gia đấu thầu nào nộp hồ sơ dự đấu thầu thì Hội đồng xét chọn thầu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ định thầu.”

1. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 với nội dung sau:

“Điều 7a. Quy trình chỉ định thầu:

7.a.1. Quy trình chỉ định thầu đối với trường hợp quy định tại khoản 4.2 Điều 4 gồm các bước:

- Chuẩn bị các yêu cầu đối với chợ đấu thầu (tương tự hồ sơ mời thầu);
- Gửi yêu cầu đối với chợ đấu thầu tới nhà thầu;
- Đánh giá sự đáp ứng và thương thảo trực tiếp với nhà thầu;
- Thẩm định kết quả chỉ định thầu;

- *Phê duyệt nội dung chỉ định thầu;*
- *Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;*
- *Thương thảo hoàn thiện hợp đồng;*
- *Phê duyệt và ký kết hợp đồng.*

7.a.2. *Chuẩn bị các yêu cầu đối với chợ đấu thầu theo nội dung tương tự như quy định tại khoản 7.2 Điều 7 về hồ sơ mời thầu.*

7.a.3. *Gửi yêu cầu đối với chợ đấu thầu, đánh giá sự đáp ứng của nhà thầu tương tự quy định tại khoản 7.3, 7.4 Điều 7. Sau khi đánh giá sự đáp ứng của nhà thầu đối với gói thầu, Hội đồng xét chọn thầu sẽ thương thảo trực tiếp với nhà thầu về các yêu cầu đối với chợ đấu thầu để chọn ra đối tượng được chỉ định thầu.*

7.a.4. *Sau khi đã chọn đối tượng chỉ định thầu, Hội đồng xét chọn thầu trình Ủy ban nhân dân quận - huyện thẩm định kết quả chỉ định thầu và phê duyệt nội dung chỉ định thầu.*

7.a.5. *Sau khi Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt nội dung chỉ định thầu, Hội đồng xét chọn thầu chợ thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu đến thương thảo hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và ký kết hợp đồng.”*

2. Điều 11 được bổ sung thêm khoản 11.6 như sau:

“11.6. Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ định thầu đối với các trường hợp quy định tại Điều 4.”

3. Điều 13 sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 13.** - Nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, tổ chức trúng thầu quản lý chợ và doanh nghiệp, tổ chức được chỉ định thầu.”

4. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Hướng dẫn các đối tượng dự đấu thầu, các doanh nghiệp, tổ chức được chỉ định thầu, các đơn vị thuộc quận, huyện quản lý thực hiện đúng các quy định của Quy chế đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ loại 2 và 3 trên địa bàn thành phố. Có trách nhiệm chính trong việc tổ chức đấu thầu các chợ loại 2 và 3 trên địa bàn quận - huyện, và chỉ định thầu đối với các trường hợp quy định tại Điều 4, đồng thời thực hiện công tác quản lý hành chính Nhà nước đối với các chợ sau khi đã giao thầu.”

Điều 2. Sở Thương mại có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ có kế hoạch triển khai hướng dẫn

Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện tốt Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Thương mại, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Trưởng Ban chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các Sở ngành thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2006

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 858/TTr-STP-VB ngày 15 tháng 3 năm 2006 và Công văn số 1816/STP-VB ngày 29 tháng 5 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2006 gồm 138 văn bản, bao gồm:

1. Danh mục văn bản ban hành năm 2006, gồm 67 văn bản (Phụ lục 1 đính kèm).
2. Danh mục văn bản trong chương trình lập quy năm 2005 được tiếp tục thực hiện trong năm 2006, gồm 71 văn bản (Phụ lục 2 đính kèm).

Điều 2.

1. Phê duyệt tổng dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2006 theo Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này, với tổng kinh phí dự toán là 745.200.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng), được bố trí từ ngân sách hàng năm của thành phố và ngoài kinh phí khoán của các đơn vị.

2. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật đã được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành ngoài các Phụ lục kèm theo Quyết định này, cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động đề xuất kinh phí theo định mức quy định tại Chỉ thị số 06/2004/CT-UB ngày 05 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Sở Tư pháp tổng hợp và phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung 6 tháng một lần.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí chương trình lập quy năm 2006 cho Sở Tư pháp để thống nhất quản lý; đồng thời hướng dẫn các đơn vị thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản theo nội dung công việc và tiến độ thực hiện.

Điều 3.

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đúng kế hoạch, thời gian và sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, chế độ đã quy định.

2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện 06 tháng 01 lần.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Ban chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đua

PHỤ LỤC 1
CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĂM 2006

(Kèm theo Quyết định số 125/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1000 đồng

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
1. LĨNH VỰC KINH TẾ							
1.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 216/2004/QĐ-UB ngày 15/9/2004 về ban hành Quy chế đấu thầu kinh doanh khai thác và quản lý chợ loại 2 và 3.	Sở Thương mại	- Sở Tư pháp - Sở Nội vụ - Sở Tài chính - Cục Thuế	Quý 3	8.700	
2.	Quyết định	Ban hành các định mức tài chính áp dụng cho các hoạt động công nghệ thông tin tại thành phố.	Sở Buru chính - Viễn thông	- Sở Tài chính	Quý 4	8.700	
3.	Quyết định	Ban hành quy định quản lý đầu tư công nghệ thông tin, viễn thông trên địa bàn thành phố.	Sở Buru chính - Viễn thông	- Sở Tài chính - Sở Tư pháp - Sở Kế hoạch và Đầu Tư	Quý 4	17.500	
4.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet tại thành phố kèm theo Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 06/5/2004.	Sở Buru chính - Viễn thông	- Sở Văn hóa và Thông tin - Công an thành phố	Quý 4	5.200	
5.	Quyết định	Ban hành bảng giá chuẩn tối thiểu giá trị nhà và các loại kiến trúc.	Sở Xây dựng	- Sở Tài chính - Cục Thuế	Quý 4	17.500	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
6.	Quyết định	Ban hành Bộ đơn giá xây dựng cơ bản.	Sở Xây dựng	- Sở Tài chính - Sở Giao thông - Công chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý 3	17.500	
7.	Quyết định	Ban hành Bộ đơn giá khảo sát trong hoạt động xây dựng.	Sở Xây dựng	- Sở Tài chính - Sở Giao thông - Công chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý 3	17.500	
8.	Chi thị	Triển khai thực hiện Quyết định số 136/2005/QĐ-TTg ngày 09/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tài chính từ ngân sách Nhà nước cho công tác thi hành án dân sự.	Sở Tư pháp	- Sở Tài chính	Quý 3	5.200	
9.	Quyết định	Ban hành quy định về thực hiện Luật Đầu tư trên địa bàn thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Sở Tài chính - Sở Xây dựng - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Giao thông - Công chính	Quý 3	17.500	
10.	Quyết định	Ban hành quy định về thực hiện Luật Đấu thầu trên địa bàn thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Sở Tài chính - Sở Xây dựng - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Giao thông - Công chính	Quý 3	17.500	
11.	Quyết định	Ban hành quy định về thực hiện Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Sở Tài chính - Ủy ban nhân dân quận - huyện	Quý 3	17.500	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
12.	Quyết định	Ban hành suất đầu tư các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.	Sở Xây dựng		Quý 4	17.500	
13.	Dự thảo Nghị quyết của HĐNDTP	- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương. - Quy định tỷ lệ % phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương. - Quyết định cụ thể một số định mức phân bổ ngân sách, tiêu chuẩn định mức chi.	Sở Tài chính	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Y tế - Sở Giao thông - Công chính - Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện	Quý 4	17.500	
14.	Quyết định	Quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế thành phố	Quý 3	17.500	
15.	Quyết định	Ban hành quy định về mức phí bán đấu giá trên địa bàn thành phố.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính	Quý 3	5.200	
2. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÔ THỊ							
16.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 146/2003/QĐ-UB ngày 13 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố.	Sở Giao thông - Công chính	- Sở Tư pháp - Tổng công ty cấp nước Sài Gòn	Quý 3	8.700	
17.	Quyết định	Ban hành Quy định về hạn chế, cấm khai thác nước dưới đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Tư pháp - UBND quận-huyện	Quý 3	8.700	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
18.	Chỉ thị	Về hậu kiểm trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng Taxi trên địa bàn thành phố.	Sở Giao thông - Công chính	- Sở Tư pháp - Công an thành phố - Sở Khoa học - Công nghệ	Quý 3	8.700	
19.	Quyết định	Ban hành quy định về thang điểm điều chỉnh sự khác biệt giữa các tiêu chí so sánh để thẩm định giá quyền sử dụng đất theo phương pháp so sánh trực tiếp.	Sở Tài chính	- Sở Xây dựng - Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý 3	17.500	
20.	Quyết định	Ban hành quy định về quy trình và thủ tục thẩm định giá thu phần vắng thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Xây dựng - UBND quận-huyện - Phòng công chứng	Quý 3	8.700	
21.	Quyết định	Ban hành quy định về xây dựng và quản lý mạng cáp treo viễn thông.	Sở Bưu chính - Viễn thông	- Sở Công nghiệp - Sở Giao thông - Công chính - Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quý 4	8.700	
22.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ nhà tái định cư (thay thế Quyết định số 5787/QĐ-UB ngày 8/8/1995; Quyết định số 7182/QĐ-UB ngày 15/12/1997; Quyết định số 4638/QĐ-UB).	Sở Xây dựng	- Sở Tư pháp - Sở Tài chính - Sở Quy hoạch - Kiến trúc - Quỹ Đầu tư Phát triển đô thị - UBND quận, huyện	Quý 4	17.500	
23.	Chỉ thị	Giải quyết một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước 01/7/1991.	Sở Xây dựng	- Sở Tài chính - UBND quận, huyện	Quý 4	8.700	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
24.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố.	Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và Môi trường - UBND quận, huyện	Quý 3	8.700	
25.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý nhà công vụ trên địa bàn thành phố.	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp	Quý 3	8.700	
26.	Chi thị	Triển khai thi hành Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Sở Xây dựng	- Sở Tư pháp - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài chính	Quý 4	5.200	
27.	Quyết định	Ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Luật Nhà ở.	Sở Xây dựng	- Sở Tư pháp - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài chính	Quý 4	8.700	
28.	Quyết định	Quy định về quy hoạch kiến trúc nhà ở cao tầng tại thành phố.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	- Sở Xây dựng - UBND quận, huyện	Quý 3	8.700	
29.	Quyết định	Quy định về kiến trúc biệt thự tại thành phố.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	- Sở Xây dựng - UBND quận, huyện	Quý 4	8.700	
30.	Quyết định	Quy định về kiến trúc cảnh quan khu trung tâm thành phố.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	- Sở Xây dựng - Sở VH và TT - UBND quận 1	Quý 4	Từ kinh phí thiết kế đô thị	
31.	Quyết định	Ban hành quy định hạn mức giao đất có mặt nước chưa sử dụng trên địa bàn thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Tư pháp - UBND quận huyện	Quý 3	8.700	
32.	Quyết định	Thực hiện thí điểm xây dựng nhà ở xã hội.	Sở Xây dựng	- Cục Thống kê - Sở TN và MT - Sở KH-ĐT - Quỹ PT nhà ở	Quý 4	17.500	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
33.	Quyết định	Thay thế Quyết định số 1958/QĐ-UB-QLĐT ngày 13/4/1998 của Ủy ban nhân dân thành phố.	Sở Xây dựng	- UBND quận, huyện	Quý 4	8.700	
34.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý nhà chung cư.	Sở Xây dựng	- Sở Tài chính	Quý 4	17.500	
35.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 248/2005/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.	Sở Tài chính	- Sở TN và MT - Sở Xây dựng - Cục Thuế TP	Quý 4	17.500	
36.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 106/2006/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Tư pháp - Sở TN và MT - Sở Xây dựng	Quý 3	17.500	
37.	Quyết định	Về phương thức xác định mức bồi thường đối với phần diện tích đất do Nhà nước trực tiếp quản lý để các đơn vị thực hiện khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất trên địa bàn thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Tư pháp - Sở TN và MT - Sở Xây dựng - Văn phòng HĐND-UBND/TP	Quý 4	17.500	
38.	Quyết định	Về bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí chợ trên địa bàn thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Thương mại	Quý 4	17.500	
39.	Quyết định	Ban hành quy định trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất trên địa bàn thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Tư pháp - UBND quận huyện	Quý 3	17.500	
3. LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY - CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH							
40.	Quyết định	Ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2006.	Sở Tư pháp	- Văn phòng HĐND và UBND thành phố - Sở Tài chính	Quý 3	17.500	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
41.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển đào tạo công nghệ thông tin - viễn thông.	Sở Bưu chính - Viễn thông	- Sở Tài chính - Sở kế hoạch và Đầu tư	Quý 4	8.700	
42.	Quyết định	Thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Pháp y thành phố.	Sở Tư pháp	- Sở Nội vụ - Sở Tài chính	Quý 3	8.700	
43.	Quyết định	Thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giám định pháp y tâm thần thành phố.	Sở Tư pháp	- Sở Nội vụ - Sở Tài chính	Quý 3	8.700	
44.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật thành phố.	Sở Tư pháp	- Sở Nội vụ	Quý 3	8.700	
45.	Quyết định	Thành lập và quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định giá bán nhà, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với nhà thuộc sở hữu Nhà nước, chuyển từ hình thức đất thuê sang hình thức giao đất tại thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Xây dựng - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Tư pháp - Sở Nội vụ	Quý 3	8.700	
46.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra thành phố (thay thế Quyết định số 2283/QĐ-UB ngày 11/9/1992).	Thanh tra TP	- Sở Nội vụ	Quý 3	8.700	
47.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Thương mại (thay thế Quyết định số 251/2004/QĐ-UB ngày 10/11/2004).	Sở Thương mại	- Sở Nội vụ - Sở Tư pháp	Quý 3	8.700	
48.	Quyết định	Quy định về thành lập tổ chức hành chính, sự nghiệp, các hội quần chúng do thành phố quản lý.	Sở Nội vụ	- Sở Tư pháp	Quý 4	8.700	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
49.	Quyết định	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hòa nhập cộng đồng cấp thành phố.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Sở Tư pháp - Lực lượng Thanh niên xung phong - Hội Phụ nữ - Sở Y tế - Công an thành phố - Ủy ban MTTQVN thành phố	Quý 3	8.700	
50.	Quyết định	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Cụm công nghiệp - dân cư Nhị Xuân.	Lực lượng Thanh niên xung phong	- Sở Nội vụ - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý 3	8.700	
51.	Quyết định	Đề án thành lập và Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổng đội lao động tình nguyện.	Lực lượng Thanh niên xung phong	- Sở Nội vụ - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý 4	8.700	
52.	Quyết định	Ban hành Quy định về cưỡng chế kiểm kê phục vụ công tác bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Tư pháp - UBND quận huyện	Quý 3	8.700	
53.	Quyết định	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.	Sở Tài chính	- Sở TN và MT - Sở Xây dựng - Sở Thương mại - Sở KHCN - Sở BCVT	Quý 4	17.500	
54.	Quyết định	Ban hành Quy chế hoạt động của Tổ liên ngành giá vật liệu xây dựng.	Sở Tài chính	- Sở Xây dựng - Sở GTCC - Trung tâm TCĐL chất lượng 3 - Sở NN và PT NT - Sở Công nghiệp	Quý 4	8.700	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
55.	Quyết định	Ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá tại thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Tư pháp - Sở Nội vụ	Quý 4	17.500	
56.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp (thay thế Quyết định 32/2003/QĐ-UB).	Sở Tư pháp	- Sở Nội vụ	Quý 4	8.700	
4. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH, VĂN HÓA - XÃ HỘI							
57.	Chỉ thị	Ban hành Chỉ thị thực hiện Thông tư số 11/2005/LBYT-NV về hệ thống tổ chức y tế địa phương (thực hiện thí điểm hệ thống quản lý theo kết quả).	Sở Y tế	- Sở Nội vụ	Quý 3	Từ kinh phí thực hiện Đề án thí điểm	
58.	Quyết định	Về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quản lý đầu tư y tế (thực hiện thí điểm hệ thống quản lý theo kết quả).	Sở Y tế	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở tài chính - Sở Nội vụ - UBND quận, huyện	Quý 4	Từ kinh phí thực hiện Đề án thí điểm	
59.	Quyết định	Ban hành Quy định định mức xe cứu thương cho ngành y tế của thành phố.	Sở Tài chính	- Sở Y tế	Quý 4	8.700	
60.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý tổ chức và hoạt động kinh doanh quán Bar trên địa bàn thành phố.	Sở Thương mại	- Sở Tư pháp - Sở Văn hóa và Thông tin - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Du lịch	Quý 4	8.700	
61.	Quyết định	Ban hành quy định về tổ chức hoạt động dạy thêm và học thêm.	Sở Giáo dục và đào tạo	- Sở Nội vụ - Sở Tư pháp - UBND quận, huyện	Quý 4	8.700	

S TT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
62.	Quyết định	Quy hoạch hệ thống Trung tâm Giới thiệu việc làm trên địa bàn thành phố.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - UBND quận, huyện	Quý 3	8.700	
63.	Quyết định	Quy chế quản lý, chi trả trợ cấp ưu đãi người có công.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- UBND quận, huyện - Sở Tài chính	Quý 3	8.700	
64.	Quyết định	Ban hành chế độ khuyến khích đối với cán bộ công chức, nhân viên công tác tại các cơ sở cai nghiện, cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/2005/QĐ-UB).	Lực lượng Thanh niên Xung phong	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Tài Chính	Quý 3	8.700	
65.	Quyết định	Ban hành chương trình, nội dung giáo dục cho người cai nghiện và người sau cai nghiện tại cơ sở quản lý.	Lực lượng Thanh niên Xung phong	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý 4	17.500	
66.	Quyết định	Ban hành chế độ chính sách đối với người tái hòa nhập cộng đồng làm việc tại các cơ sở cai nghiện và sau cai nghiện.	Lực lượng Thanh niên Xung phong	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Tư pháp	Quý 4	8.700	
67.	Quyết định	Ban hành quy định phối hợp quản lý Nhà nước đối với các Tổ chức phi Chính phủ.	Sở Ngoại vụ	- Sở Nội vụ	Quý 3	8.700	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC VĂN BẢN TRONG CHƯƠNG TRÌNH LẬP QUY NĂM 2005
ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2006

(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
I. DANH MỤC VĂN BẢN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 93/2001/NĐ-CP NGÀY 12/12/2001							
1.	Quyết định	Ban hành Quy chế khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia công tác bảo quản duy tu một số lĩnh vực ngành giao thông công chính.	Sở Giao thông - Công chính	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
2.	Quyết định	Phân cấp quản lý tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức khu vực Nhà nước.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các quận - huyện	Quý 3	8.700	nt
3.	Quyết định	Ban hành quy chế phối hợp quản lý, khai thác, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngành giao thông công chính giữa Sở Giao thông - Công chính và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.	Sở Giao thông - Công chính	- Sở Xây dựng - Sở Quy hoạch - Kiến trúc - Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 3	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
4.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia dịch vụ quét dọn, thu gom, vận chuyển rác.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Phòng Quản lý dịch vụ đô thị quận - huyện	Quý 4	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
5.	Quyết định	Ban hành một số chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý 4	8.700	nt
6.	Quyết định	Quy định chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực dạy nghề.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Sở Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo - Viện Kinh tế	Quý 4	8.700	nt
7.	Quyết định	Ban hành Chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực thể dục thể thao.	Sở Thể dục - Thể thao	- Sở Nội vụ - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Viện Kinh tế	Quý 4	8.700	nt
8.	Quyết định	Ban hành quy chế về quản lý kiến trúc tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	- Sở Xây dựng - UBND các quận - huyện	Quý 4	8.700	nt
9.	Quyết định	Ban hành Quy chế về quản lý quy hoạch xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	- Sở Xây dựng - Viện Quy hoạch - UBND các quận - huyện	Quý 4	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
II. DANH MỤC NHỮNG VĂN BẢN KHÁC							
1. Lĩnh vực kinh tế							
10.	Quyết định	Quy định về quản lý hoạt động của các cơ sở giết mổ.	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
11.	Quyết định	Ban hành quy chế tài chính của Trung tâm khai thác quỹ đất phục vụ đầu tư.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Tài chính - Sở Tư pháp	Quý 3	8.700	nt
12.	Quyết định	Ban hành quy định về phân cấp quản lý các dự án đầu tư trong nước cho các quận, huyện.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- UBND các quận - huyện	Quý 3	8.700	nt
13.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý các dự án ODA trên địa bàn thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các sở, ngành liên quan	Quý 3	8.700	nt
14.	Chỉ thị	Về quản lý các dự án có nguồn vốn phi chính phủ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các sở, ngành liên quan	Quý 3	8.700	nt
15.	Quyết định	Ban hành quy định về công tác quản lý xây dựng công trình cơ sở hạ tầng đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	- Sở Quy hoạch - Kiến trúc - Sở Giao thông - Công chính - UBND quận - huyện	Quý 3	8.700	nt
16.	Quyết định	Về việc giao trách nhiệm lập, tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.	Sở Tài chính	- Sở Nội vụ - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý 3	8.700	nt
17.	Quyết định	Ban hành quy định hành nghề kinh doanh, dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Quý 3	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
18.	Quyết định	Ban hành Quy chế triển khai thực hiện khoán kinh phí nghiên cứu khoa học theo nội dung và chất lượng công trình nghiên cứu.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
19.	Quyết định	Ban hành một số cơ chế, chính sách tài chính hỗ trợ, khuyến khích việc áp dụng sản xuất sạch hơn.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Tài Chính - Sở Khoa học và Công nghệ	Quý 3	8.700	nt
20.	Quyết định	Ban hành quy định Quy chế đấu giá khai thác sử dụng đất có thời hạn.	Sở Tài chính	- Viện Kinh tế - Sở Tư pháp - UBND quận, huyện	Quý 4	8.700	nt
21.	Quyết định	Quy định về quản lý nguồn vốn đầu tư nhà tái định cư.	Sở Tài chính	- Sở Xây dựng - Sở Tư pháp	Quý 4	8.700	nt
2. Lĩnh vực quản lý đô thị							
22.	Quyết định	Ban hành quy chế khuyến khích đầu tư xây dựng nhà trọ cho công nhân, sinh viên thuê để ở.	Sở Xây dựng	- Sở Tài chính - Sở Quy hoạch - Kiến trúc - Sở Tư pháp	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
23.	Quyết định	Ban hành quy chế quản lý, bảo vệ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố.	Sở Giao thông-Công chính	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Quy hoạch - Kiến trúc - Sở Tư pháp	Quý 3	8.700	nt
24.	Quyết định	Ban hành Quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Sở Giao thông - Công chính - UBND quận, huyện	Quý 3	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
25.	Quyết định	Ban hành quy định khuyến khích đầu tư đối với các bãi đậu xe ô tô trên địa bàn thành phố.	Sở Giao thông - Công chính	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Tư pháp - Công an TP	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
26.	Quyết định	Ban hành Quy định về thực hiện đầu tư và xây dựng 30.000 căn hộ chung cư dành cho việc tái định cư trên địa bàn thành phố.	Sở Xây dựng	- Sở Quy hoạch - Kiến trúc - Sở Tài chính	Quý 3	8.700	- Chỉ quy định về giá mua nhà chung cư; nội dung còn lại chuyển sang kế hoạch thực hiện quỹ nhà ở xã hội. - Kinh phí: nt
27.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Khoa học - Công nghệ - Sở Giao thông - Công chính - Sở Tư pháp	Quý 3	8.700	nt
28.	Quyết định	Ban hành phương án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố đến năm 2010.	Sở Thương mại	- UBND các quận - huyện	Quý 4	8.700	nt
29.	Quyết định	Ban hành Quy trình lập và công bố quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quý 4	8.700	nt
30.	Quyết định	Ban hành quy định về kiến trúc đối với các công trình cao tầng.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	- Sở Xây dựng - Viện Quy hoạch	Quý 4	8.700	nt
31.	Quyết định	Ban hành quy định về kiến trúc cảnh quan đối với công trình văn hóa, lịch sử, bảo tồn.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	- Sở Xây dựng - Viện Quy hoạch	Quý 4	8.700	nt
32.	Quyết định	Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu và sử dụng bất động sản không phải là nhà ở.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, quận huyện có liên quan	Quý 4	Không	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
3. Lĩnh vực tổ chức bộ máy - Cải cách hành chính							
33.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông - Công chính.	Sở Giao thông - Công chính	- Sở Nội vụ	Quý 3	5.200	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
34.	Quyết định	Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố.	Sở Tư pháp	- Văn phòng HĐND và UBND thành phố Ban chỉ đạo CCHC	Quý 3	17.500	nt
35.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Văn hóa và Thông tin.	Sở Văn hóa và Thông tin	- Sở Nội vụ	Quý 3	5.200	nt
36.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở Nội Vụ	Quý 3	5.200	nt
37.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nội vụ	Quý 3	5.200	nt
38.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng kiểm tra liên ngành 814/TTg thành phố.	Sở Văn hóa và Thông tin	- Sở Nội vụ	Quý 3	5.200	nt
39.	Quyết định	Ban hành Quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.	Sở Nội vụ	- Các sở, ngành, quận huyện liên quan	Quý 3	5.200	nt
40.	Quyết định	Ban hành biểu mẫu thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực áp dụng thống nhất cho các phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố.	Sở Nội vụ	- Sở Tư pháp - UBND quận, huyện	Quý 3	17.500	nt
41.	Quyết định	Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố.	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	- Sở Nội vụ - Ban Chỉ đạo CCHC TP - Sở Tư pháp	Quý 3	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
42.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban tư pháp phường, xã.	Sở Nội vụ	- Sở Tư pháp - UBND các quận - huyện	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
43.	Quyết định	Ban hành Quy chế tuyển dụng, điều động, miễn nhiệm và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn.	Sở Nội vụ	- Các sở, ngành, quận - huyện liên quan	Quý 3	8.700	nt
44.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, ấp.	Sở Nội vụ	- Các sở, ngành, quận - huyện liên quan	Quý 3	8.700	nt
45.	Quyết định	Ban hành biểu mẫu, thủ tục hành chính sử dụng thống nhất ở các quận - huyện trên địa bàn thành phố.	Sở Tư pháp	- Ban Chỉ đạo CCHC - UBND các quận - huyện	Quý 3	Không	nt
46.	Quyết định	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch thành phố.	Sở Du lịch	- Sở Nội vụ	Quý 3	8.700	nt
47.	Quyết định	Ban hành Quy chế “mẫu” về tổ chức và hoạt động các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.	Sở Nội vụ	- Các sở, ngành, quận - huyện liên quan	Quý 3	17.500	nt
48.	Quyết định	Ban hành chế độ phụ cấp đối với cán bộ, đội y tế dự phòng của quận - huyện và trạm y tế phường - xã - thị trấn.	Sở Y tế	- Sở Tài chính	Quý 3	8.700	nt
49.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ - Sở Tài chính	Quý 3	8.700	nt
50.	Quyết định	Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy hoạt động của Sở Du lịch.	Sở Du lịch	- Sở Nội vụ	Quý 3	8.700	nt
51.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý các dự án công nghệ thông tin của thành phố.	Sở Bưu chính, Viễn thông	- Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý 3	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
52.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng tiếp công dân thành phố.	Văn phòng Tiếp công dân	- Sở nội vụ	Quý 4	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
53.	Quyết định	Ban hành biểu mẫu thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực quản lý của sở, ngành trên địa bàn thành phố.	Sở Tư pháp	- Ban Chỉ đạo CCHC - Các sở ngành liên quan	Quý 4	17.500	nt
54.	Quyết định	Ban hành Quy định về trách nhiệm phối hợp của các ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong công tác định định giá tài sản thi hành án dân sự.	Sở Tư pháp	- Sở Tài chính - UBND quận - huyện	Quý 3	8.700	nt
55.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính.	Sở Tài chính	- Sở Nội vụ	Quý 4	5.200	nt
4. Lĩnh vực nội chính - văn xã							
56.	Quyết định	Ban hành Quy định về việc thưởng, hỗ trợ thiết hại tính mạng, sức khỏe đối với người có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống tội phạm.	Công an thành phố	- Sở Tài chính - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
57.	Quyết định	Ban hành Quy định quản lý người lang thang xin ăn còn trong độ tuổi lao động.	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	- Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 3	17.500	nt
58.	Quyết định	Ban hành quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố.	Thanh tra thành phố	- Sở Tư pháp - Văn phòng Tiếp công dân	Quý 3	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
59.	Quyết định	Ban hành quy định về bố trí, sử dụng người sau cai nghiện vào làm việc tại các cơ sở chữa bệnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Lực lượng Thanh niên xung phong	Quý 3	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
60.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 246/2003/QĐ-UB ngày 06/11/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Lực lượng Thanh niên xung phong - Sở Tư pháp	Quý 3	5.200	nt
61.	Quyết định	Ban hành Quy định về việc quản lý các tổ chức giới thiệu việc làm trên địa bàn thành phố.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 3	8.700	nt
62.	Quyết định	Quy định về chế độ bồi dưỡng cho công tác hòa giải ở cơ sở.	Sở Tài chính	- Sở Nội vụ - Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 3	8.700	Chuyển Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo
63.	Chỉ thị	Về phổ biến, giáo dục pháp luật cho tập thể, cá nhân trước khi xuất cảnh sang Singapore và việc quản lý các đại lý, văn phòng đại diện về môi giới hôn nhân, tuyển sinh du học sang Singapore.	Sở Tư pháp	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Ngoại vụ	Quý 3	5.200	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
64.	Quyết định	Ban hành Quy định về tổ chức cưỡng chế thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005.	Sở Tư pháp	- UBND quận - huyện - Các sở, ngành liên quan	Quý 4	17.500	nt
65.	Quyết định	Ban hành quy định xử lý học viên, người sau cai nghiện vi phạm tại cơ sở quản lý.	Lực lượng Thanh niên xung phong	- Sở Tư pháp - Công an TP - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố	Quý 4	8.700	nt

Stt	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
66.	Quyết định	Ban hành Quy định về chế độ hội họp.	Ban chỉ đạo CCHC TP	- Văn phòng HĐND và UBND thành phố - Sở Nội vụ - Sở Tư pháp	Quý 4	8.700	Kinh phí đã cấp theo Quyết định 67/2005/QĐ-UB ngày 04/5/2005
67.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng dân phòng.	Công an thành phố	- Sở Nội vụ - Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 4	8.700	nt
68.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý các tổ chức hoạt động khoa học công nghệ.	Sở khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ - Sở KH và ĐT - Sở Tư pháp - Cục thuế thành phố - Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật - UBMTTQ	Quý 4	8.700	nt
69.	Quyết định	Ban hành Quy định về cấp báo động chiến đấu, điều động lực lượng, phương tiện tổ chức chỉ huy chữa cháy và cứu hộ trên địa bàn thành phố.	Công an thành phố	- Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	Quý 4	8.700	nt
70.	Quyết định	Về phân cấp quản lý cấp phép một số loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn thành phố.	Sở Văn hóa và Thông tin	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tư pháp - UBND quận - huyện	Quý 4	8.700	nt
71.	Quyết định	Ban hành Quy định về việc định cư và quản lý việc định cư của người sau cai nghiện tại Cụm Công nghiệp Nhì Xuân.	Lực lượng Thanh niên xung phong	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố - Công an thành phố	Quý 4	8.700	nt

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2006/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 08 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Cựu giáo chức quận 8****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ biên bản Đại hội Hội Cựu giáo chức quận 8 ngày 14 tháng 6 năm 2006;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục quận 8 (Công văn số 931/TTr-PGD.Q8 ngày 19 tháng 6 năm 2006) và Trưởng Phòng Nội vụ quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Điều lệ Hội Cựu giáo chức quận 8 (kèm theo Quyết định).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ quận 8, Trưởng Phòng Giáo dục quận 8, Hội Cựu giáo chức quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Nguyễn Đô Lương**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
HỘI CỰU GIÁO CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI CỰU GIÁO CHỨC QUẬN 8

Chương I

**TÊN GỌI CỦA HỘI, TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH,
LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

Điều 1. Tên gọi: Hội Cựu giáo chức quận 8.

Điều 2. Tôn chỉ mục đích của Hội

Hội Cựu giáo chức quận 8 là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp của tất cả những người trước đây là nhà giáo, cán bộ, nhân viên trong tất cả các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục, hiện nay đang sinh sống tại quận 8. Hội Cựu giáo chức quận 8 được thành lập nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, năng lực, trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo, tiếp tục góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục nhằm phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội

Hội Cựu giáo chức quận 8 chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân quận 8 (thông qua Phòng Giáo dục quận 8) và được sự hỗ trợ của Công đoàn Giáo dục quận 8, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục phạm vi địa bàn quận 8.

Hội hoạt động theo điều lệ phù hợp với Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Hội là một tổ chức phi chính phủ, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản tại ngân hàng, kho bạc, biểu tượng theo biểu tượng của Hội Cựu giáo chức Việt Nam. Trụ sở của Hội đặt tại Phòng Giáo dục quận 8.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết và đại diện cho tất cả cựu giáo chức của quận, phát huy

tiềm năng trí lực của hội viên tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo.

2. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên, tạo điều kiện để các cựu giáo chức tiếp tục giao lưu tình cảm nghề nghiệp, chăm sóc giúp đỡ nhau về vật chất, tinh thần khi gặp khó khăn, giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống cách mạng của dân tộc, truyền thống tốt đẹp của giáo giới Việt Nam, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Tham gia đề xuất, kiến nghị với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục về việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

2. Phối hợp với các trường học, các cơ sở và các cơ quan giáo dục, các ban hành, đoàn thể nhân dân chăm lo giáo dục thế hệ trẻ. Góp phần thực hiện “Giáo dục cho mọi người”, “Cả nước trở thành một xã hội học tập”, thực hiện có hiệu quả xã hội hóa giáo dục.

3. Tham gia và phát triển quan hệ với các Hội Cựu giáo chức trên toàn thành phố và với các tổ chức cùng nghề nghiệp, vì mục tiêu giáo dục, bảo vệ hòa bình và sự tiến bộ của xã hội.

4. Được gây quỹ trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

5. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

6. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên.

7. Thực hiện các dịch vụ phục vụ hội viên và phát triển Hội theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 6. Điều kiện trở thành hội viên

Tất cả những người trước đây là nhà giáo, cán bộ, nhân viên trong các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục tán thành điều lệ Hội, tự nguyện viết đơn gia nhập Hội, đều có thể trở thành hội viên của Hội.

Điều 7. Thủ tục kết nạp hội viên tập thể và từng người. Hội viên tập thể và hội viên cá nhân vào Hội phải có đơn tự nguyện tham gia Hội. Ban chấp hành Hội cơ sở

xem xét quyết định kết nạp và cấp thẻ hội viên. Hội viên tập thể phải có văn bản ủy quyền người đại diện theo quy định của pháp luật. Khi hội viên muốn ra khỏi Hội phải tự mình viết đơn, được Ban chấp hành Hội cơ sở đồng ý và thu lại thẻ hội viên.

Điều 8. Quyền của hội viên

1. Thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng khi thảo luận các công việc của Hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội, phê bình, chất vấn cơ quan lãnh đạo hoặc cán bộ lãnh đạo của Hội, kiến nghị bãi miễn cán bộ Hội có sai phạm.

2. Yêu cầu Hội can thiệp bảo vệ nhân phẩm và lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm. Được Hội thăm hỏi, giúp đỡ khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

3. Tham gia các sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, nghỉ ngơi do Hội tổ chức.

4. Được ra khỏi Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành điều lệ Hội. Thực hiện nghị quyết của Hội. Gương mẫu chấp hành luật pháp của Nhà nước.

2. Tham gia sinh hoạt và hoạt động của Hội, thực hiện tốt nhiệm vụ Hội phân công.

3. Đóng hội phí, tuyên truyền phát triển hội viên mới, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

Điều 10. Hội viên liên kết và hội viên danh dự

1. Các trường học, các trung tâm giáo dục đào tạo liên kết giữa Việt Nam và nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành điều lệ Hội thì được Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết.

2. Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên của Hội, có thể được Hội công nhận là hội viên danh dự của Hội.

3. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được tham gia các hoạt động và tham dự Đại hội của Hội, nhưng không tham gia bầu cử và ứng cử Ban chấp hành Hội, không biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 11. Thẻ hội viên

Thẻ hội viên do Hội Cựu giáo chức Việt Nam ấn hành và quy định việc cấp phát, quản lý thẻ hội viên.

Chương IV
BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 12. Bộ máy quản lý và điều hành của Hội

Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên.

Ban chấp hành, Ủy viên kiểm tra, Thư ký.

Các đơn vị trực thuộc Hội, Văn phòng Hội, các ban chuyên môn.

Điều 13. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu

1. Đại hội là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Hội. Đại hội tổ chức 5 năm một lần. Đại hội được coi là hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

2. Nhiệm vụ chính của Đại hội nhiệm kỳ

Thông qua điều lệ (đối với Đại hội thành lập) hoặc đề nghị sửa đổi Điều lệ.

Thảo luận báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Hội.

Thảo luận góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban chấp hành và Ủy viên kiểm tra.

Thảo luận và phê duyệt quyết toán nhiệm kỳ cũ và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Hội.

Bầu cử Ban chấp hành và Ủy viên kiểm tra.

Suy tôn Chủ tịch danh dự của Hội.

Thảo luận và thông qua Nghị quyết của Đại hội.

- Nhiệm vụ chính của Hội nghị toàn thể hàng năm:

Thảo luận báo cáo tổng kết năm cũ và kế hoạch công tác năm mới của Hội.

Thảo luận và phê duyệt quyết toán năm cũ và kế hoạch tài chính năm mới của Hội.

Thảo luận và biểu quyết các vấn đề do Ban chấp hành và Ủy ban kiểm tra hoặc hội viên đề xuất.

4. Ban chấp hành có thể triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội, theo đề nghị của Chủ tịch Ban chấp hành Hội hoặc trên 50% tổng số ủy viên Ban chấp hành hoặc khi có 2/3 số hội viên yêu cầu hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Thư triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu phải nêu rõ chương trình nghị sự và gửi đến tất cả các hội viên ít nhất 2 tuần trước ngày họp.

6. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban chấp hành

1. Ban chấp hành là cơ quan cao nhất giữa 2 kỳ Đại hội.

2. Số lượng ủy viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định, trong đó Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký.

3. Ban chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban chấp hành.

4. Ban chấp hành họp ít nhất một lần trong một năm theo triệu tập của Chủ tịch Ban chấp hành. Các phiên họp Ban chấp hành được coi là họp lệ khi có mặt 2/3 tổng số ủy viên Ban chấp hành.

5. Các quyết định và Nghị quyết của Ban chấp hành được thông qua bằng biểu quyết và chỉ có hiệu lực khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban chấp hành dự họp tán thành. Nếu số phiếu thuận và không thuận ngang nhau, bên nào có ý kiến Chủ tịch Ban chấp hành sẽ được chấp thuận.

6. Ban chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn:

Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết của Đại hội.

Quyết định kế hoạch, chương trình công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp của Ban chấp hành.

Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ và hàng năm của Hội do Tổng thư ký đệ trình ra Hội nghị toàn thể hoặc Đại hội toàn thể.

Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các kỳ Đại hội.

Chuẩn bị nội dung chương trình nghị sự và các tài liệu trình Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị toàn thể hàng năm.

Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, quy chế sử dụng tài chính của Hội, quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội.

Phê duyệt các tổ chức được thành lập theo Điều lệ này.

Bầu cử và bãi miễn bằng phiếu kín các chức danh lãnh đạo Hội: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký, các ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hội, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra.

Bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các cơ quan do Hội thành lập.

Quyết định kết nạp, bãi miễn tư cách các hội viên.

Quyết định triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu.

Điều 15. Ban thường vụ

1. Ban thường vụ Hội Cựu giáo chức quận 8 gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và một số ủy viên.

2. Ban thường vụ Hội có trách nhiệm thay mặt Ban chấp hành chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban chấp hành và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Ban chấp hành; điều hành các hoạt động giữa 2 kỳ họp Ban chấp hành, báo cáo hoạt động của Ban thường vụ tại hội nghị thường kỳ của Ban chấp hành.

3. Ban thường vụ Hội Cựu giáo chức quận 8 cử ra Ban thường trực gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số ủy viên để điều hành công việc giữa các kỳ họp của Ban thường vụ.

4. Hội nghị thường kỳ của Ban thường vụ Hội Cựu giáo chức quận 8 họp ít nhất 6 tháng một lần.

Điều 16. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Ban chấp hành đồng thời là Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Ban chấp hành đồng thời là Phó Chủ tịch Hội. Để đảm bảo hoạt động của Hội có hiệu quả, những chức danh nêu trên làm việc theo chế độ chuyên hoặc bán chuyên trách do nghị quyết của Đại hội cho phép.

2. Chủ tịch Hội có quyền hạn và trách nhiệm

Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý tài chính và tài sản của Hội.

Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị toàn thể và các nghị quyết của Ban chấp hành.

Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban chấp hành Hội.

Ký quyết định bổ nhiệm trước Ban chấp hành và toàn thể hội viên về hoạt động của Hội.

Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc của Hội theo đề nghị của Thư ký sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Ban chấp hành.

3. Phó Chủ tịch Hội:

Là người giúp cho Chủ tịch trong công tác quản lý và điều hành Hội, được Chủ tịch ủy nhiệm và phân công trực tiếp phục trách và điều hành một số công việc của Hội; được ủy quyền điều hành công việc của Ban chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 17. Thư ký Hội

Thư ký do Đại hội bầu ra, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Đại diện cho Văn phòng Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày.

Tổ chức, điều hành các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội.

Chuẩn bị báo cáo cho các kỳ họp Ban chấp hành, thường vụ Ban chấp hành, Đại hội thường niên, Đại hội nhiệm kỳ.

Quản lý hồ sơ, tài liệu giao dịch của Hội.

Xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban chấp hành phê duyệt.

Định kỳ báo cáo cho Ban chấp hành về các hoạt động của Hội.

Lập các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban chấp hành.

Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về hội viên và các tổ chức trực thuộc.

Chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành về các hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội hoạt động theo quy chế do Ban chấp hành phê duyệt.

2. Tổ chức bộ máy của văn phòng do Ban chấp hành phê duyệt.

3. Các nhân viên của Văn phòng phải là những người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao.

4. Kinh phí cho hoạt động hàng năm của Văn phòng do Tổng thư ký dự trù trình Ban chấp hành duyệt và hội nghị hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

Điều 19. Ủy ban kiểm tra

1. Ủy ban kiểm tra có 01 Chủ nhiệm phụ trách do Đại hội bầu, gồm từ 3 đến 5 thành viên. Ủy ban kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban chấp hành.

2. Ủy ban kiểm tra hoạt động theo quy chế do Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu hội viên thông qua.

3. Các hoạt động của Ủy ban kiểm tra phục vụ Hội được chi vào quỹ của Hội.

4. Ủy ban kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội và tất cả hội viên trong việc chấp hành Điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các nghị quyết của Hội.

Thông báo với hội viên về kết quả kiểm tra và kiến nghị với Ban chấp hành những vấn đề cần giải quyết.

Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra và các ủy viên Ủy ban kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban chấp hành Hội.

Điều 20. Tổ chức của Hội

1. Hội Cựu giáo chức quận 8 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Hội Cựu giáo chức phường gồm các hội viên cùng cư trú trên địa bàn phường. Việc thành lập Hội Cựu giáo chức phường phải được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Hội Cựu giáo chức ở các trường học, các cơ sở và cơ quan giáo dục gồm các hội viên trước đã làm việc tại các đơn vị đóng trên cùng một địa bàn sẽ thành lập các Chi hội không có pháp nhân.

Chương V

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính và tài sản của Hội

1. Các khoản thu của Hội gồm có:

Hội phí thường niên do hội viên đóng góp theo quy định.

Tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

Các khoản thu do hoạt động của Hội tạo ra.

Các nguồn thu khác.

2. Các khoản chi của Hội

Các khoản chi của Hội phải đảm bảo nguyên tắc: đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định tài chính, gồm có:

Chi cho hoạt động của Văn phòng, Ban chấp hành, Ủy ban kiểm tra, Hội nghị, Đại hội, tiền thuê trụ sở (nếu có), mua sắm trang thiết bị.

Chi hoạt động thông tin tuyên truyền, báo chí.

Chi mua sắm trang bị thiết bị làm việc, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất.

Chi lương, chi khen thưởng, thi đua.

Chi hoạt động quan hệ giao lưu.

Các khoản chi khác.

Ban chấp hành căn cứ vào tình hình tài chính hàng năm của Hội, đề xuất mức hội phí thường niên và thông qua hội nghị toàn thể.

Ban chấp hành quy định quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài chính và tài sản của Hội, phù hợp với quy chế chung tài chính của Nhà nước và phải được báo cáo công khai trước hội viên và hội nghị toàn thể thường niên.

Các khoản chi khác.

Ban chấp hành căn cứ vào tình hình tài chính hàng năm của Hội, đề xuất mức hội phí thường niên và thông qua hội nghị toàn thể.

Ban chấp hành quy định quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài chính và tài sản của Hội, phù hợp với quy chế chung tài chính của Nhà nước và phải được báo cáo công khai trước hội viên và hội nghị toàn thể thường niên.

Báo cáo quyết toán hàng năm tại Đại hội thường kỳ.

Chương VI **GIẢI THỂ HỘI**

Điều 22. Hội chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Hội tự nguyện giải thể theo nghị quyết của trên 50% tổng số hội viên.
2. Hội bị giải thể khi 12 tháng không hoạt động liên tục.

3. Khi giải thể, cơ quan Nhà nước ra quyết định giải thể Hội, chỉ định một Ban thanh lý tài sản. Ban thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo kết quả thanh lý cho toàn thể hội viên và cơ quan Nhà nước có liên quan.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

Những thành viên có thành tích đóng góp cho sự phát triển Hội, sẽ được khen thưởng.

Điều 24. Kỷ luật

Các hội viên hoạt động trái với Điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự, quyền lợi của Hội phải chịu kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu nhất trí kiến nghị và được cơ quan có thẩm quyền quyết định mới có giá trị thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm 8 chương 26 điều, đã được Đại hội thành lập thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2006 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Ủy ban nhân dân quận 8 phê duyệt và được lưu hành theo quy định của pháp luật.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
HỘI CỰU GIÁO CHỨC QUẬN 8
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hùng

QUẬN BÌNH TÂN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/2006/NQ-HĐND

Bình Tân, ngày 21 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
KHÓA I - KỲ HỌP LẦN THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan; thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí với báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân quận.

Nhất trí với các báo cáo của Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận Bình Tân 6 tháng cuối năm 2006.

Hội đồng nhân dân quận nhấn mạnh một số vấn đề như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006:

1. Về kinh tế:

Tiếp tục tăng trưởng cao và chuyển dịch theo hướng “Dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp”.

- Thương mại - dịch vụ: doanh thu đạt 1.838,568 tỷ đồng, tăng 37,63% so với cùng kỳ năm 2005, đạt 53,33% kế hoạch năm.

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: giá trị sản xuất đạt 1.139,884 tỷ đồng, tăng 32,29% so với cùng kỳ năm 2005, đạt 51,7% kế hoạch năm.

- Nông nghiệp: tiếp tục phát triển việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với quá trình phát triển đô thị. Tập trung có hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh gia cầm, tiêm phòng gia súc.

2. Về tài chính - ngân sách:

Thu ngân sách Nhà nước 163,154 tỷ đồng, đạt 42,3% kế hoạch năm, vượt 9,2% so với cùng kỳ năm 2005; thu ngân sách quận 59,112 tỷ đồng, đạt 63,8% dự toán năm; chi ngân sách quận là 64,043 tỷ đồng, bằng 69,1% dự toán cả năm. Thống nhất quan điểm mục tiêu về kế hoạch sử dụng kết dư ngân sách năm 2005 để đầu tư phát triển, chăm lo đời sống nhân dân (theo sự thỏa thuận giữa Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân quận).

3. Công tác quy hoạch, quản lý, phát triển đô thị:

Có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả. Tiếp tục hoàn chỉnh để chuẩn bị trình Hội đồng nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010), quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Việc thẩm định quy hoạch chi tiết 1/2000 tiếp tục được thực hiện với 9 đồ án đã được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và 7 đồ án đang thẩm định; cuộc thi ý tưởng quy hoạch khu đô thị Tân Tạo đã hoàn tất. Tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh sổ nhà tăng cao. Cuộc vận động chỉnh trang đô thị theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm được nhân rộng. Tình hình vi phạm về xây dựng, đất đai, môi trường giảm đáng kể.

4. Về xây dựng cơ bản:

- Hoàn tất 6/6 công trình vốn ngân sách quận (vốn ngân sách năm 2005 chuyển tiếp) và khởi công xây dựng 5 công trình; hoàn tất thủ tục đầu tư để khởi công trong quý III/2006 là 9 công trình.

- Các dự án vốn ngân sách thành phố do quận làm chủ đầu tư, đã khởi công xây dựng 3 trường học, 3 trường khác đã hoàn thành thủ tục sẽ khởi công vào cuối quý III/2006.

- Nhìn chung, công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản có chuyển biến tích cực,

kip thời hơn. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được củng cố, đảm bảo công khai - minh bạch.

5. Về văn hóa - xã hội:

- Ngành Giáo dục có tích cực hoàn thành nhiệm vụ, tổng kết năm học 2005 - 2006; học sinh hoàn thành chương trình bậc Tiểu học 100%, Trung học cơ sở đạt 98,9%. Công tác phổ cập giáo dục được tăng cường hơn.

- Hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục có tiến bộ trên nhiều mặt, gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội. Đảm bảo chăm lo tốt Tết Bính Tuất “An toàn, tiết kiệm, vui tươi, lành mạnh”. Duy trì thực hiện tốt chương trình “Xóa đói, giảm nghèo” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được nâng cao. Quan tâm đúng mức cho công tác y tế, dân số - gia đình và trẻ em.

6. Đảm bảo giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội; phát huy tốt, hoàn thành nhiệm vụ công tác quân sự địa phương; nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp, cải cách hành chính:

Nhìn chung, qua 6 tháng đầu năm, tình hình kinh tế tiếp tục phát triển. Quận có sự tập trung đúng mức và đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực văn hóa xã hội; góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân; tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định. Tập trung xây dựng các chương trình, kế hoạch mang tính trọng tâm, trọng điểm nhằm phát triển quận. Qua đó, cũng còn những mặt khó khăn, hạn chế nhất định. Hội đồng nhân dân quận ghi nhận các mặt khó khăn và tồn tại của Ủy ban nhân dân quận và các ngành đã nêu trong báo cáo; cần có kế hoạch, biện pháp cụ thể khắc phục tốt nhất, tạo điều kiện thực hiện hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch của cả năm 2006.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2006:

1. Nhiệm vụ trọng tâm:

Tập trung đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh thực hiện chương trình “Năm cải cách hành chính”, chống tham nhũng, lãng phí; tiếp tục chấn chỉnh trật tự kỷ cương trong quản lý và chỉnh trang đô thị, tạo bước chuyển mạnh mẽ về quản lý đô thị bằng các giải pháp đồng bộ; thực hiện có hiệu quả các chương trình văn hóa - xã hội, giải quyết việc làm; tiếp tục giữ vững ổn định

chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, kết hợp giữa quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chương trình công tác chủ yếu:

2.1. Về kinh tế:

- Phần đầu đạt doanh thu dịch vụ - thương mại 1.675,52 tỷ đồng (48,6% so với kế hoạch cả năm). Hoàn thành việc di dời chợ Da Sà, Bình Trị Đông. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2006 - 2010.

- Tổng giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 1.190,7 tỷ đồng (54% so với kế hoạch cả năm). Hoàn tất việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành giai đoạn 2006 - 2010.

- Tập trung đúng mức cho sản xuất nông nghiệp, để đảm bảo đạt chỉ tiêu cả năm 2006.

2.2. Về tài chính - ngân sách:

Phần đầu đạt thu ngân sách Nhà nước 227,612 tỷ đồng, thu ngân sách quận 134,540 tỷ đồng. Chi ngân sách quận 134,540 tỷ đồng (trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản 48,884 tỷ đồng).

Hoàn chỉnh kế hoạch tăng nguồn thu ngân sách giai đoạn 2006 - 2010. Ngành thuế tích cực thực hiện nhiều giải pháp cụ thể nhằm tăng nguồn thu. Chấn chỉnh việc quản lý các loại quỹ trên địa bàn phường.

2.3. Về quy hoạch - xây dựng cơ bản - quản lý đô thị:

- Đẩy nhanh tiến độ, thực hiện phủ kín quy hoạch chi tiết 1/2000 trên địa bàn. Tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch khu đô thị Tân Tạo.

- Tập trung chấn chỉnh công tác quản lý dự án, bồi thường giải phóng mặt bằng - tái định cư, tăng cường giám sát thi công các công trình.

- Phần đầu thực hiện đúng tiến độ các công trình xây dựng cơ bản theo kế hoạch.

- Đẩy nhanh công tác chỉnh trang đô thị, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất. Tác động ngành điện, nước tăng cường giải quyết nhu cầu bức xúc của dân. Tập trung chống ngập úng mùa mưa. Tăng cường kiểm tra, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường.

2.4. Về văn hóa - xã hội:

2.4.1. Về giáo dục - đào tạo:

- Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện, tạo nguồn nhân lực trên địa bàn quận giai đoạn 2006 - 2010”.

- Tập trung triển khai xây dựng, sửa chữa, nâng cấp trường lớp; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học; chuẩn bị chu đáo cho khai giảng năm học mới (2006 - 2007); đảm bảo chỉ tiêu huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp; đẩy mạnh tiến độ thực hiện phổ cập giáo dục.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hoạt động của các trường tư thục, dân lập; khuyến khích các hoạt động xã hội hóa giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực.

2.4.2. Về y tế:

- Thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa hoạt động khám, chữa bệnh; tăng cường quản lý hoạt động y tế tư nhân; thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe và phòng chống bệnh xã hội, các dịch bệnh nguy hiểm.

- Tiếp tục kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm,...

2.4.3. Về công tác chính sách, xóa đói giảm nghèo và việc làm:

- Sơ kết 2 năm thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo và xây dựng chương trình xóa hộ nghèo theo tiêu chí mới của thành phố vào năm 2010.

- Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động chăm lo thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ nhân ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7).

- Tổ chức kiểm tra hiệu quả sử dụng, mục đích sử dụng các nguồn vốn vay của các hộ nghèo; thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng.

- Triển khai chương trình đào tạo nghề cho người lao động; giải quyết việc làm mới; giảm tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn quận.

- Tập trung đúng mức cho công tác dân số, gia đình và trẻ em.

2.4.4. Hoạt động Văn hóa Thông tin - Thể thao:

- Tuyên truyền, tổ chức phục vụ tốt các ngày lễ, tết trong 6 tháng cuối năm.

- Tăng cường công tác quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ các ngành nghề nhạy cảm để phát sinh tệ nạn xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn

hóa”, nâng cao việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị; phong trào luyện tập thể dục - thể thao trên địa bàn quận giai đoạn 2006 - 2010.

- Triển khai thực hiện quy hoạch một số ngành nghề thương mại - dịch vụ “nhạy cảm” để phát sinh tệ nạn xã hội trong lĩnh vực văn hóa - xã hội trên địa bàn quận giai đoạn 2006 - 2010.

2.5. Về quốc phòng - an ninh và hoạt động tư pháp:

- Tập trung xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, đủ sức ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi thủ đoạn gây mất ổn định chính trị, kéo giảm tình hình tội phạm trên địa bàn.

- Tập trung tiếp tục củng cố, phát huy thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ở cơ sở; tiếp tục thực hiện tấn công các loại tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu “3 giảm”. Tăng cường công tác phòng chống cháy, nổ.

- Tăng cường công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ cơ quan: Viện Kiểm sát, Tòa án, Thi hành án dân sự quận và hòa giải viên cơ sở.

- Tập trung đúng mức cho chương trình công tác cải cách hành chính, nhất là ở cấp phường. Tăng cường công tác phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, nhân dân và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Triển khai kế hoạch thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

- Triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Giao cho Ủy ban nhân dân quận tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận theo chức năng tăng cường đúng mức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và tổ chức thành viên vận động thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận và phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của cử tri.

Hội đồng nhân dân quận biểu dương sự nỗ lực đóng góp của đội ngũ cán bộ công chức, lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân vào việc thực hiện nhiệm vụ kế

hoạch 6 tháng đầu năm 2006. Phát huy thành quả vừa qua; Hội đồng nhân dân quận kêu gọi nhân dân, cán bộ, chiến sĩ nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng cả năm 2006 của quận nhà.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khóa I, kỳ họp lần thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hoàng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/2006/NQ-HĐND

*Bình Tân, ngày 21 tháng 7 năm 2006***NGHỊ QUYẾT**
Về việc phê chuẩn quyết toán
ngân sách năm 2005 của quận Bình Tân**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**
KHÓA I - KỲ HỌP LẦN THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2006 và ý kiến các đại biểu Hội đồng nhân dân quận, qua kết luận của chủ tọa đoàn,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2005 của quận Bình Tân.

I. Thu ngân sách:**1. Về thu ngân sách Nhà nước**

Tổng thu ngân sách Nhà nước 395,878 tỷ đồng đạt 142,2% so với dự toán năm, gồm:

a) Thuế công thương nghiệp (CTN): 104,515 tỷ đồng đạt 101,5% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 26,4% tổng thu ngân sách Nhà nước.

b) Thuế trước bạ: 41,068 tỷ đồng đạt 210,6% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 10,3% tổng thu ngân sách Nhà nước.

c) Thuế thu nhập cá nhân (TNCN): 0,428 tỷ đồng đạt 142,8% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 0,1% tổng thu ngân sách Nhà nước

d) Thuế nhà đất: 4,435 tỷ đồng đạt 177,4% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 1,1% tổng thu ngân sách Nhà nước.

e) Tiền thuê đất: 3,408 tỷ đồng đạt 79,3% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 0,9% tổng thu ngân sách Nhà nước.

f) Thu tiền sử dụng đất: 212,027 tỷ đồng đạt 151,4% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 53,6% tổng thu ngân sách Nhà nước.

g) Thuế chuyển quyền sử dụng (CQSD) đất: 9,870 tỷ đồng đạt 493,5% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 2,5% tổng thu ngân sách Nhà nước

h) Số thu phí và lệ phí: 3,837 tỷ đồng đạt 174,4% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 1% tổng thu ngân sách Nhà nước.

i) Số thu khác: 12,282 tỷ đồng đạt 272,9% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 3,1% tổng thu ngân sách Nhà nước.

j) Ghi thu, ghi chi, viện trợ không hoàn lại: 3,997 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1% tổng thu ngân sách Nhà nước. Trong đó: học phí là 2,557 tỷ đồng, viện phí là 1,394 tỷ đồng, viện trợ không hoàn lại là 45 triệu đồng.

2. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương là 259,877 tỷ đồng, đạt 165,5% so với dự toán năm, trong đó:

a) Thu điều tiết theo tỷ lệ %: các khoản ngân sách địa phương được hưởng trong năm là 93,079 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 35,8% tổng thu ngân sách gồm:

a.1. Phần hưởng thêm qua điều tiết 1,246 tỷ đồng (thuế Môn bài) do các doanh nghiệp, công ty của Cục Thuế quản lý và nguồn thu này không nằm trong dự toán đầu năm.

a.2. Thuế CTN: 34,051 tỷ đồng đạt 102,8% so với dự toán năm.

a.3. Thuế trước bạ: 27,681 tỷ đồng đạt 374,1% so với dự toán năm.

a.4. Thuế nhà đất: 4,435 tỷ đồng đạt 177,4% so với dự toán năm.

a.5. Thuế CQSD đất: 9,870 tỷ đồng đạt 493,5% so với dự toán năm.

a.6. Thu phí, lệ phí: 3,506 tỷ đồng đạt 180,4% so với dự toán năm.

a.7. Thu khác: 12,282 tỷ đồng đạt 748,9% so với dự toán năm.

b) Về thu bổ sung từ ngân sách thành phố: là 113,340 tỷ đồng đạt 104,5% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 43,6% tổng thu ngân sách, chủ yếu gồm:

b.1. Kinh phí cân đối ngân sách để chi thường xuyên 18,293 tỷ đồng.

b.2. Kinh phí bổ sung cho các chương trình mục tiêu 6,398 tỷ đồng.

b.3. Kinh phí bổ sung cho đầu tư xây dựng cơ bản 82 tỷ đồng.

(trong đó cân đối 61 tỷ đồng tiền sử dụng đất của năm 2004)

b.4. Kinh phí cho tiền điện chiếu sáng dân lập 2003 - 2004: 6,649 tỷ.

c) Kết dư ngân sách 2004 chuyển sang: 42,613 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,4% tổng thu ngân sách.

d) Ghi thu, ghi chi, viện trợ không hoàn lại: 3,997 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,5% tổng thu ngân sách, trong đó: học phí là 2,557 tỷ đồng, viện phí là 1,394 tỷ đồng, viện trợ không hoàn lại là 45 triệu.

e) Khoản thu năm trước chuyển sang: là 6,847 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 2,7% tổng thu ngân sách.

II. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương 185,191 tỷ đồng đạt 117,9% so với dự toán năm. Trong đó:

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 74,814 tỷ đồng đạt 84,2% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 40,4% tổng chi ngân sách.

2. Về chi thường xuyên:

Tổng chi thường xuyên là 102,819 tỷ đồng đạt 131,9% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 55,5% tổng chi ngân sách chi tiết như sau:

a) Chi sự nghiệp kinh tế: 24,151 tỷ đồng đạt 194,1% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 23,5% tổng chi thường xuyên. Đây là khoản chi quét thu gom rác đường công cộng, dặm vá duy tu các công trình giao thông, chăm sóc công viên cây xanh, chi trả tiền điện chiếu sáng dân lập và chi cho công tác phục vụ quản lý trật tự đô thị quận.

b) Chi sự nghiệp văn hóa - xã hội: 39,019 tỷ đồng đạt 125,5% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 37,9% tổng chi thường xuyên, gồm:

b.1. Sự nghiệp y tế: 6,872 tỷ đồng đạt 107,5% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 17,6% tổng chi sự nghiệp văn hóa - xã hội. Chủ yếu chi hoạt động thường xuyên của bộ máy, mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc khám chữa bệnh của người dân.

b.2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 26,786 tỷ đồng đạt 124,3% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 66,7% tổng chi chi sự nghiệp văn hóa - xã hội.

b.3. Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao: 2,976 tỷ đồng đạt 186,2% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 7,6% tổng chi sự nghiệp văn hóa - xã hội. Khoản chi này chi vượt dự toán do có chi hoạt động phục vụ các ngày lễ lớn.

b.4. Sự nghiệp xã hội: 2,385 tỷ đồng đạt 153% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 6,1% tổng chi sự nghiệp văn hóa - xã hội. Chi chủ yếu chăm lo các đối tượng chính sách, trợ cấp dân nghèo các dịp lễ, Tết, 27 tháng 7 và hỗ trợ 100 triệu cho quỹ Xóa đói giảm nghèo của quận. Bên cạnh đó, quận còn hỗ trợ thực hiện công tác 3 giảm trên địa bàn.

c) Chi quản lý Nhà nước: 21,187 tỷ đồng đạt 223% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 20,6% tổng chi thường xuyên. Đây là khoản chi hoạt động của quản lý Nhà nước và chi mua sắm sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn.

d) Chi Đảng, đoàn thể: 5,296 tỷ đồng đạt 151% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 5,2% tổng chi thường xuyên. Đây là khoản chi hoạt động thường xuyên, chi hỗ trợ kinh phí đại hội Đảng bộ cơ sở, kinh phí mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn của khối đoàn thể. Sự hỗ trợ kịp thời kinh phí này góp phần thực hiện thành công đại hội Đảng bộ quận Bình Tân nhiệm kỳ 2005 - 2010.

e) Chi quốc phòng - an ninh: 5,469 tỷ đồng đạt 173,5% so với dự toán và chiếm tỷ trọng 5,3% tổng chi thường xuyên. Quận đã hỗ trợ kịp thời kinh phí hoạt động cho Công an, Ban Chỉ huy Quân sự quận phục vụ công tác để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn.

f) Chi khác ngân sách: 7,696 tỷ đồng đạt 112,1% so với dự toán năm và chiếm tỷ trọng 7,5% tổng chi thường xuyên. Đây là khoản chi hỗ trợ cho các đơn vị ngành dọc như chi xét xử lưu động cho Tòa án, chi hỗ trợ hoạt động Viện Kiểm sát, Thi hành án, Thống kê và chi cho công tác khen thưởng. Ngoài ra, quận cũng hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Chi Cục Thuế, Kho bạc... góp phần hoàn thành kế hoạch năm 2005 của quận.

3. Chi chuyển nguồn sang năm 2006: 3,606 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,9% tổng

chi ngân sách, trong đó quận đã tạm ứng cho các công trình xây dựng cơ bản chưa chi 1,179 tỷ đồng, kinh phí khoán chi của các cơ quan hành chính Nhà nước, kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (thực hiện Nghị định số 10/CP) 1,135 tỷ đồng và dậm vá các tuyến đường phục vụ Tết Nguyên đán 1,292 tỷ đồng.

4. Ghi thu, ghi chi là 3,952 tỷ chiếm tỷ trọng 2,1% tổng chi ngân sách.

Như vậy, kết dư ngân sách địa phương năm 2005 chuyển sang năm 2006 là 74,686 tỷ đồng trong đó ngân sách cấp quận là 68,936 tỷ đồng (chương trình mục tiêu là 23,205 tỷ đồng và tăng thu, tiết kiệm chi 45,731 tỷ đồng) và ngân sách cấp phường là 5,750 tỷ đồng.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện quyết toán cụ thể ngân sách theo Điều 1 nêu trên và theo đúng quy định của pháp luật.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khóa I, kỳ họp lần thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3746/2006/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 11 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tạm thời về quản lý, sử dụng máy bơm chữa cháy trên xe mô tô 3 bánh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Chỉ thị số 02/2006/CT-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Chỉ thị số 07/2006/CT-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công tác phòng cháy, chữa cháy năm 2006 và tiếp tục triển khai Luật Phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Công văn số 75/TP ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Phòng Tư pháp quận về thẩm định văn bản;

Xét đề nghị của Trưởng Công an quận và Đội trưởng Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy phụ trách địa bàn quận Bình Tân (thuộc phòng PC23 Công an thành phố),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tạm thời về quản lý sử dụng máy bơm chữa cháy trên xe mô tô 3 bánh”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Công an quận, Đội trưởng Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, các phòng ban quản lý Nhà nước, đơn vị sự nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE MÔ TÔ 3 BÁNH CHỮA CHÁY
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3746/2006/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sự cần thiết phải trang bị xe mô tô chữa cháy 3 bánh

1. Hiện nay quận Bình Tân có nhiều đường hẻm nhỏ từ 1,5 đến 3m, xe chữa cháy chuyên nghiệp không vào được, theo thống kê có 105 hẻm, với chiều dài 24.462m xe chữa cháy chuyên nghiệp không vào được.

2. Sự tồn tại nhiều năm qua đối với các cơ sở sản xuất nằm xen kẽ trong địa bàn dân cư, nhất là các cơ sở sản xuất kinh doanh, có nhiều mặt hàng dễ cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy cao.

3. Nhằm thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng cháy chữa cháy, kịp thời xử lý các vụ cháy vừa mới phát sinh tại khu dân cư có đường hẻm nhỏ xe chữa cháy không vào được, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ cháy lớn để bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân trên địa bàn quận.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này được áp dụng đối với xe mô tô 3 bánh có trang bị phương tiện chữa cháy để chữa cháy khu dân cư có đường hẻm nhỏ xe chữa cháy chuyên nghiệp không vào được nhằm giải quyết kịp thời các vụ cháy vừa mới phát sinh.

2. Đối tượng bảo quản, sử dụng, vận hành máy bơm chữa cháy trên xe mô tô 3 bánh phải tuân thủ thực hiện theo các quy định cơ bản của Quy định này.

3. Quy định này được áp dụng cho các lực lượng khác cùng tham gia chữa cháy.

4. Nghiêm cấm việc sử dụng không đúng mục đích xe mô tô chữa cháy 3 bánh và máy bơm chữa cháy trên xe.

Điều 3. Thành lập lực lượng

1. Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định thành lập Tổ gồm 6 người trực tiếp tham gia bảo quản, vận hành, sử dụng xe mô tô chữa cháy 3 bánh thuộc địa bàn từng phường, tham gia Tổ này lấy từ lực lượng cảnh sát khu vực của Công an phường và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban nhân dân quận và Công an quận.

2. Khi có sự cố xảy ra Tổ này trực tiếp chịu trách nhiệm sử dụng phương tiện xe mô tô chữa cháy 3 bánh và yêu cầu các lực lượng khác hỗ trợ tham gia.

Chương II**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH
SỬ DỤNG BẢO DƯỠNG XE MÔ TÔ CHỮA CHÁY 3 BÁNH
PHỤC VỤ TỐT CÔNG TÁC CHỮA CHÁY****Điều 4. Ủy ban nhân dân 10 phường**

1. Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc vận hành sử dụng, bảo dưỡng đối với đơn vị (Công an phường) được giao trực tiếp quản lý sử dụng xe mô tô chữa cháy 3 bánh.

2. Căn cứ tổ chức lực lượng, phương tiện trang bị, đề xuất Ủy ban nhân dân quận bổ sung kinh phí để duy trì hoạt động của lực lượng này, các chế độ bảo dưỡng, vận hành xe và phương tiện chữa cháy trên xe định kỳ.

3. Tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân tham gia công tác phòng cháy chữa cháy và thực hiện tốt Quy định này.

Điều 5. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận

Căn cứ theo chế độ hiện hành, căn cứ tổ chức lực lượng, trang bị phương tiện của từng phường, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận đề xuất bổ sung kinh phí cho các phường từ nguồn ngân sách của quận phê duyệt.

Điều 6. Công an các cấp

1. Công an quận thường xuyên tổ chức kiểm tra, hướng dẫn trong việc tổ chức bảo quản, vận hành, sử dụng xe mô tô chữa cháy 3 bánh, kịp thời chấn chỉnh sai sót trong quá trình vận hành bảo dưỡng để sẵn sàng phục vụ tốt công tác chữa cháy.

2. Hàng năm Công an quận phối hợp Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy (thuộc Phòng PC23 - Công an thành phố) phụ trách trên địa bàn quận Bình Tân để tập huấn

nâng cao kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng chữa cháy bằng xe mô tô chữa cháy 3 bánh. Đảm bảo thực hiện phương án chữa cháy tại chỗ thật sự hiệu quả, có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng liên quan ở địa bàn giáp ranh.

3. Công an phường là cơ quan trực tiếp bảo quản, vận hành sử dụng xe mô tô chữa cháy 3 bánh. Trưởng Công an phường phải tổ chức quản lý, sử dụng, bảo dưỡng xe mô tô chữa cháy 3 bánh theo đúng quy định kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và thao tác chữa cháy do Công an quận và Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy hướng dẫn (có văn bản kèm theo).

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định này được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 8. Xử lý vi phạm

Cá nhân, tổ chức có trách nhiệm trong việc bảo quản, sử dụng vận hành xe mô tô chữa cháy 3 bánh, chữa cháy khi có sự cố cháy xảy ra mà không vận hành được xe mô tô chữa cháy 3 bánh, để cháy lây lan thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản thì sẽ bị xử phạt hành chính hoặc sẽ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 9. Giao Công an quận chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung về quản lý, bảo quản, vận hành, sử dụng xe mô tô chữa cháy 3 bánh, kịp thời ghi nhận những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân quận xem xét giải quyết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Chính

QUẬN TÂN PHÚ**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2006/NQ-HĐND

*Tân Phú, ngày 21 tháng 7 năm 2006***NGHỊ QUYẾT****Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
KHÓA I KỲ HỌP LẦN THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và các cơ quan hữu quan về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng 6 tháng đầu năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2006, phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận;

QUYẾT NGHỊ:

- Nhất trí với báo cáo về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm, chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2006 của Thường trực và 2 Ban Hội đồng nhân dân quận.

- Tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách và an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm 2006 và các giải pháp công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2006.

Hội đồng nhân dân quận nhấn mạnh một số vấn đề cụ thể sau đây:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006:

Trong 6 tháng đầu năm 2006, Ủy ban nhân dân quận đã tập trung chỉ đạo điều

hành các đơn vị ban ngành thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân quận, đề ra các biện pháp thực hiện mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - văn hóa - xã hội tiếp tục tăng trưởng, an ninh - quốc phòng được giữ vững ổn định.

- Giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện là 1.512,42 tỷ đồng, tăng 14,84% so với cùng kỳ năm 2005.

- Về thương mại - dịch vụ: tổng doanh số ước đạt 3.327,02 tỷ đồng, tăng 16,09% so với cùng kỳ.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 24,22 triệu USD, tăng 18,79%. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện 28,05 triệu USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2005.

- Tổng thu ngân sách Nhà nước ước thực hiện là 181,03 tỷ đồng, đạt 49,28% kế hoạch năm. Tổng chi ngân sách quận ước thực hiện là 90,96 tỷ đồng, đạt 67,18% kế hoạch năm.

Triển khai thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế kết hợp với việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm tạo điều kiện pháp lý để cho các doanh nghiệp chuyển đổi ngành nghề thích hợp đúng quy hoạch. Tập trung tháo gỡ, giải quyết vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm, tiếp tục vận động dân hiến đất làm đường, xóa quy hoạch treo ở một số khu vực theo quy hoạch 1/500 được duyệt; thực hiện quy chế giám sát cộng đồng, ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng, đảm bảo chất lượng thực hiện các dự án công trình xây dựng dân dụng. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với các chương trình giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; triển khai thực hiện tốt Quyết định số 90 và Nghị định số 108/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về cấp sổ hộ khẩu, quản lý người tạm trú. Tiếp tục công tác cải cách hành chính, mở rộng việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 ở 6 phòng ban và 6 phường, đầu tư xây dựng các phần mềm vi tính ứng dụng phục vụ công tác quản lý Nhà nước.

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại do cơ quan thẩm quyền chưa có quyết định cuối cùng việc xin được thu hẹp diện tích Khu Công nghiệp Tân Bình được duyệt nên Quận chưa giải quyết yêu cầu cấp phép xây dựng nhà ở trong phần đất Khu Công nghiệp xin điều chỉnh quy hoạch và việc cấp quyết định đổi, gắn biển số nhà ở 11 phường thực hiện còn chậm, gây bức xúc, phiền hà trong dân. Về trật tự an toàn xã hội; số vụ phạm pháp hình sự có giảm (riêng các vụ cướp giật và trộm tài sản vẫn còn cao); số vụ cháy ít, thiệt hại không lớn nhưng thực tế cho thấy ý thức, biện pháp phòng cháy chưa có giải pháp ngăn ngừa hiệu quả. Tình hình lấn chiếm lòng lề

đường ở một số tuyến đường chính vẫn chưa khắc phục được. Vấn đề xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thể thao còn nhiều hạn chế, chưa vận động được các doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở hoạt động văn hóa, thể thao; chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tập luyện thể dục thể thao của nhân dân trên địa bàn. Việc giải quyết hành chính theo mô hình “một cửa” ở một số phường có lúc có nơi vẫn còn bị nhân dân phản ánh về thái độ và tinh thần phục vụ của cán bộ, công chức. Một số dự án xây dựng nâng cấp đường, cống thoát nước kéo dài gây khó khăn không ít cho đi lại của nhân dân chậm được khắc phục gây bất bình trong dân.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2006

Ngoài nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân quận, Hội đồng nhân dân quận yêu cầu tập trung vào một số vấn đề sau:

1. Lĩnh vực kinh tế - tài chính:

- Tập trung hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách quận năm 2006.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quận.

- Kiểm tra xử lý các cơ sở gia hạn di dời nhưng chưa thực hiện di dời theo Chỉ thị số 13/2006/CT-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Triển khai phương án phát triển thương mại dịch vụ theo hướng chuyên doanh tại một số tuyến đường để hình thành phố thương mại tập trung.

- Tổ chức đấu thầu quản lý khai thác chợ Phú Trung và chuẩn bị đấu thầu các chợ còn lại trên địa bàn.

- Xây dựng và thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư sửa chữa xây dựng cơ bản của quận năm 2007, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng và trang bị phương tiện cho phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế.

- Tăng cường công tác quản lý thu chi ngân sách, bảo đảm chấp hành thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các chỉ tiêu thu lao động công ích và quỹ phòng chống lụt bão.

2. Lĩnh vực quản lý đô thị - nhà đất:

- Hoàn tất đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 chuyển Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc

Thành phố thẩm định nhiệm vụ quy hoạch các phường còn lại để Quận ban hành quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch 1/2000.

- Hoàn tất việc cấp quyết định, thông báo, giấy báo gắn biển số nhà trong quý III năm 2006.

- Hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch 1/500 trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định các khu vực: khu tam giác Âu Cơ - Lũy Bán Bích - Thoại Ngọc Hầu; khu tam giác Thoại Ngọc Hầu - Hòa Thạnh - Tô Hiệu; mũi tàu Lũy Bán Bích - Thoại Ngọc Hầu.

- Trình Thành phố phê duyệt phương án xây dựng khu Liên hợp Văn hóa - Thể thao và khu dân cư Tân Thắng (khu 93ha)

- Khởi công mới các công trình trọng điểm vừa được Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp thứ 6. Hoàn thành duy tu nạo vét hệ thống cống thoát nước ở 11 phường. Thực hiện công tác sửa chữa nâng cấp trường lớp bảo đảm kịp thời gian khai giảng năm học 2006 - 2007.

3. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

- Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, đẩy mạnh việc đăng ký xây dựng khu phố văn hóa, điểm sáng văn hóa, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội. Tổ chức tốt các hoạt động thể dục thể thao hè và khai mạc các giải thi đấu thể dục thể thao cho các em học sinh hè 2005 - 2006; thực hiện tuyên truyền, cổ động kỷ niệm các ngày lễ lớn còn lại trong năm 2006 (Cách mạng tháng tám, Quốc khánh 2 tháng 9, 59 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ, ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam) và Tết dương lịch.

- Tiếp tục công tác phổ cập giáo dục, bảo đảm chỗ học ổn định cho tất cả các em, thực hiện ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, tổ chức lễ tuyên dương học sinh giỏi năm học 2005 - 2006, tiếp tục thực hiện dự án phân luồng học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Tiếp tục tăng cường vận động các nguồn quỹ, giúp đỡ các đối tượng chính sách, hộ nghèo, trẻ mồ côi, người già neo đơn, tàn tật. Thực hiện tốt việc tiếp nhận, quản lý các đối tượng hồi gia sau cai nghiện.

- Chủ động công tác phòng chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường công tác xử lý giám sát môi trường trên toàn quận. Phấn đấu xây dựng 10 Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Triển khai các chương trình khám, chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho diện chính sách và dân nghèo, đảm bảo 100% trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí. Tiếp tục thanh kiểm tra các cơ sở hành nghề y

được tư nhân; giám sát nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thái độ phục vụ nhân dân của các nhân viên y tế.

- Phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu về dân số, kế hoạch hóa gia đình do Thành phố giao, hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 0,03 - 0,06%

- Kiểm tra chặt chẽ các điều kiện cấp phép kinh doanh (hậu kiểm) tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên các hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa xã hội nhạy cảm như: cà phê đèn mờ, karaoke, băng đĩa hình, dịch vụ vi tính...

4. An ninh - quốc phòng - quản lý nhà nước:

- Tiếp tục giữ vững ổn định an ninh - chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quận. Thực hiện hiệu quả chương trình nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Tập trung giải quyết xử lý các vi phạm xây dựng, trật tự giao thông, trật tự lòng lề đường.

- Cơ quan Quân sự, Công an quận phối hợp triển khai phương án sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANCT - TTANXH nhất là cao điểm lễ. Tập huấn, huấn luyện quân sự giai đoạn 2 năm 2006 trong lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, tham gia hội thao thành phố đạt kết quả cao. Thực hiện tốt các bước quy trình tuyển chọn và gọi thanh niên nhập ngũ năm 2007. Tiếp tục bồi dưỡng giáo dục kiến thức quốc phòng theo kế hoạch. Tổng kết phong trào thi đua quyết thắng.

- Xây dựng phương án thành lập Phòng Y tế quận. Dự kiến biên chế năm 2007 của quận. Triển khai các bước thực hiện ứng dụng ISO tại 6 đơn vị và 6 phường, xây dựng các phần mềm chương trình lưu trữ văn thư ở các phòng ban và 11 phường để đảm bảo việc thông tin thông suốt. củng cố đội ngũ ban điều hành khu phố, tổ dân phố để nâng chất lượng hoạt động hệ thống chính trị cơ sở. Nâng chất lượng nội dung tin và hình ảnh hoạt động của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể quận trên website quận Tân Phú.

- Kết thúc đoàn thanh tra việc quản lý đầu tư xây dựng cải tạo mở rộng Trường Mầm non Thiên Lý phường Tân Thới Hòa; tiếp tục triển khai 4 đoàn thanh tra còn lại theo kế hoạch. Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ cho Ban Thanh tra nhân dân 11 phường.

5. Về các Tờ trình của Ủy ban nhân dân quận:

Hội đồng nhân dân quận nhất trí với đề nghị của Ủy ban nhân dân quận theo nội dung:

- Tờ trình số 838/UBND-KT về Danh mục công trình ghi vốn kế hoạch xây dựng đầu tư năm 2006.

- Tờ trình số 818/UBND-VX về việc điều chỉnh 1 số khoản thu của ngành Giáo dục quận năm học 2006 - 2007.

- Tờ trình số 841/TTr-UBND-KT về việc xin chủ trương xây dựng trường học từ nguồn quỹ của các chủ dự án xây dựng chung cư trên địa bàn quận.

- Riêng Tờ trình số 756/TTr-UBND-KT về xin gia hạn thời gian di dời 19 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm đến 31 tháng 12 năm 2007 (có Nghị quyết riêng).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân quận Tân Phú có kế hoạch triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết này.

Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân quận phối hợp hoạt động giám sát, kiểm tra, chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận và các tổ chức thành viên tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, làm tốt vai trò giám sát và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước động viên nhân dân tích cực tham gia góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2006.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Tân Phú khóa I, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2006.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Nẫu

QUẬN THỦ ĐỨC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 940/2006/QĐ-UBND

Thủ Đức, ngày 14 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ quy chuẩn - Tiêu chuẩn xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ quy hoạch chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 “Khu dân cư phường Tam Phú” đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức phê duyệt theo Quyết định số 790/2004/QĐ-UB-QLĐT ngày 28 tháng 7 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 5228/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng đất xây dựng khu nhà ở kinh doanh tại phường Tam Phú, quận Thủ Đức;

Căn cứ Văn bản thẩm định số 1241/QHKT-QHCHT ngày 11 tháng 5 năm 2006 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (phần quy hoạch - kiến trúc và giao thông) khu dân cư phường Tam Phú;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Đô thị tại Tờ trình số 111/TTr-QLĐT ngày 12 tháng 7 năm 2006 đề nghị phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (phần quy hoạch - kiến trúc và giao thông) khu dân cư phường Tam Phú,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (phần quy hoạch - kiến trúc và giao thông) khu dân cư phường Tam Phú, quận Thủ Đức với các nội dung chính như sau:

1. Giới hạn phạm vi quy hoạch:

Giới hạn phạm vi quy hoạch:

Gồm các thửa 25⁻¹, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38 thuộc tờ bản đồ số 54 (bản đồ địa chính năm 2004) khu phố 1, phường Tam Phú, quận Thủ Đức.

+ Phía Đông Bắc: giáp mương nước.

+ Phía Tây Bắc: giáp đất trống (hoa màu).

+ Phía Đông Nam: giáp đường nhựa (đường khu vực).

+ Phía Tây Nam: giáp đất trống.

(Vị trí khu đất được xác định theo họa đồ đo đạc hiện trạng vị trí số 0087/TP ngày 20 tháng 4 năm 2005 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ thiết kế xây dựng - kinh doanh dịch vụ Quốc Thịnh lập)

2. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc xây dựng:

2.1. Mục tiêu:

- Triển khai đô thị hóa khu vực theo định hướng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000.
- Đầu tư xây dựng nhà ở kinh doanh.

2.2. Các khu chức năng chính:

- Khu nhà ở dạng chung cư.
- Khu nhà ở dạng liên kế.
- Khu vườn hoa cây xanh kết hợp sân bãi thể dục.
- Khu công trình công cộng.

2.3. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Tổng diện tích khu đất: 16.002 m².
- Dân số dự kiến khoảng: 1.544 người (bình quân 3,5 người/hộ).

Phân bổ theo cơ cấu sử dụng đất như sau:

+ Đất xây dựng nhà ở: 7.910m², chiếm 49,4%, bình quân 5,12m²/người, gồm:

- Đất xây dựng nhà liên kế: 4.590m², chiếm 58% diện tích đất xây dựng nhà ở.
- Đất xây dựng nhà chung cư: 3.320m², chiếm 42% diện tích đất xây dựng nhà ở.

+ Đất giao thông: 3.281m², chiếm 20%, bình quân 2,12m²/người.

+ Đất vườn hoa - CX khu ở: 4.224m², chiếm 26%, bình quân 2,73m²/người.

+ Đất công trình câu lạc bộ: 587m² chiếm 4%, bình quân 0,4m²/người.

Tổng cộng: 16.002m², bình quân 10m²/người.

- Mật độ xây dựng toàn khu: 40%.

- Hệ số sử dụng đất: 3,4.

3. Kiến trúc công trình xây dựng:

3.1. Nhà ở: bố trí 49 lô nhà liên kế và 392 căn hộ chung cư.

* *Nhà liên kế:* 49 căn, các chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch áp dụng quy định tại Văn bản số 3665/UB-QLĐT ngày 27 tháng 9 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố gồm:

- Mật độ xây dựng tối đa: 80% diện tích lô đất.
- Tầng cao: 3 tầng đối với trục đường lộ giới 16m.
2 tầng đối với trục đường lộ giới 10m.
- Khoảng lùi:

Khu A:

+ Khoảng lùi trước: cách ranh lộ giới 2,5m, áp dụng từ lô A1 đến lô A14, đối với lô A15 khoảng lùi trước là 5m.

+ Khoảng lùi sau: là khoảng cách còn lại (hiệu số) của tổng chiều dài từng lô đất trừ đi khoảng lùi trước và chiều dài xây dựng của từng căn hộ (theo bản vẽ thiết kế căn nhà mẫu).

Khu B:

+ Khoảng lùi trước: cách ranh lộ giới đường Cây Keo và đường N là 2,5m, áp dụng từ lô B1 đến lô B14 và các lô từ B16 đến B29, đối với B15, B30 khoảng lùi 5m.

+ Khoảng lùi sau: là 1,5m, áp dụng từ lô B1 đến lô B14 và các lô từ B16 đến B29, đối với B15, B30 khoảng lùi là 0m.

Khu C:

+ Khoảng lùi sau: cách ranh đất 2,0m.

+ Khoảng lùi trước: là khoảng cách còn lại (hiệu số) của tổng chiều dài từng lô đất trừ đi khoảng lùi sau và chiều dài xây dựng của từng căn hộ (theo bản vẽ thiết kế căn nhà mẫu).

* *Nhà chung cư*: gồm 2 khối, tổng cộng 392 căn hộ.

- Mật độ xây dựng: 35%.

- Tầng cao: 15 tầng (chiều cao tối đa 52m).

- Định vị công trình:

- Mặt chính cách lộ giới $\geq 15\text{m}$, các mặt còn lại cách ranh đất $\geq 6\text{m}$.

Về giải pháp thiết kế cần lưu ý bố trí tầng trệt khối chung cư làm nơi sinh hoạt chung, chỗ để xe và các dịch vụ thương mại cùng các nhu cầu cộng đồng.

3.2. Công trình công cộng:

- Câu lạc bộ: Diện tích lô đất 587m^2 , bố trí về phía Đông Bắc khu dự án, các chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch:

- Mật độ xây dựng: tối đa 40%.

- Tầng cao tối đa: 3 tầng.

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Lộ giới:

- Đường Cây Keo, lộ giới: 20m

- Đường D2, lộ giới: 16m (4 + 8 + 4)

- Đường D3, lộ giới: 12m (3 + 6 + 3)

- Đường D1, lộ giới: 12m (3 + 6 + 3)

- Đoạn đường nội bộ N lộ giới: 10m (2,5 + 5 + 2,5)

- Bãi đậu xe: bố trí trên tuyến đường D2 gần 2 khối nhà chung cư.

+ Các quy định về vạt góc: 5m x 5m.

5. Các điều cần lưu ý:

- Công ty Cổ phần N.V.T chịu trách nhiệm về pháp lý sử dụng đất đối với các lô nền đã được giao đất trong phạm vi khu đất lập quy hoạch tổng mặt bằng.

- Công trình phải đảm bảo an toàn về kỹ thuật xây dựng và tuân thủ các kết nối với hạ tầng khu vực xung quanh.

- Việc triển khai xây dựng công trình phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục và các quy định của Luật Xây dựng hiện hành.

- Tuyên mừng ở phía Đông Bắc khu đất cần có ý kiến xem xét của Sở Giao thông - Công chính. Trong trường hợp cần giữ lại thì cần đảm bảo hành lang cách ly đúng theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Công ty Cổ phần N.V.T triển khai tiếp công tác đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành, trong từng giai đoạn cụ thể và cần thực hiện tiếp các điểm sau:

Lập và trình duyệt điều lệ quản lý xây dựng, lập và trình thẩm định thiết kế - dự toán các công trình kỹ thuật hạ tầng do đơn vị chức năng lập thiết kế trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ra Quyết định này để làm cơ sở thực hiện đồ án và quản lý đô thị theo nội dung được duyệt.

Tổ chức xây dựng và quản lý tốt các hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng đúng thiết kế đã được thẩm định của cơ quan có thẩm quyền. Đảm bảo cốt san nền, hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

Về vệ sinh môi trường: khi tiến hành san lấp mặt bằng và xây dựng không ảnh hưởng xấu đến các khu vực dân cư lân cận.

Tổ chức xây dựng quản lý tốt đối với các công trình công cộng, cây xanh vườn hoa, các công trình phục vụ khu ở.

Trong quá trình triển khai, nếu có phát sinh những vấn đề chưa phù hợp chủ đầu tư cần giải trình kiến nghị Ủy ban nhân dân quận điều chỉnh quy hoạch chi tiết được phê duyệt này.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có nhiệm vụ phối hợp để công bố quy hoạch chi tiết 1/500 theo quy định. Phòng Quản lý Đô thị quận Thủ Đức và Ủy ban nhân dân phường Tam Phú thực hiện quản lý tốt việc sử dụng quỹ đất và quản lý xây dựng theo quy hoạch và có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

Điều 4. Chủ đầu tư đơn vị thiết kế và các Phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Công Lý

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: t tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt – Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng